

UBND XÃ BÁT TRÀNG
TRƯỜNG THCS BÁT TRÀNG
(Đề có 3 trang gồm 20 câu trắc
nghiệm, 3 câu tự luận)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6
Tiết: 8,15 (Theo KHDH)
Thời gian làm bài: 90 phút

ĐỀ 1

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (5 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án đúng.

Câu 1. Lịch sử là gì?

- A. Những gì đã diễn ra trong quá khứ.
- B. Sự hiểu biết về những gì đã diễn ra.
- C. Ghi lại những gì đã diễn ra theo trật tự thời gian.
- D. Sự bái vọng đối với tổ tiên.

Câu 2. Truyền thuyết “ Sơn tinh – Thủy tinh” cho biết điều gì về lịch sử của dân tộc ta?

- A. Truyền thống chống giặc ngoại xâm.
- B. Truyền thống nhân đạo, trọng chính nghĩa.
- C. Nguồn gốc dân tộc Việt Nam.
- D. Truyền thống làm thủy lợi, chống thiên tai.

Câu 3. Những tấm bia ghi tên người đỗ Tiến sĩ thời xưa ở Văn Miếu (Hà Nội) thuộc loại tư liệu nào?

- A. Tư liệu chữ viết.
- B. Tư liệu truyền miệng.
- C. Tư liệu hiện vật.
- D. Cả tư liệu hiện vật và chữ viết.

Câu 4. Bầy người nguyên thủy là hình thức tổ chức xã hội của

- A. vượn người.
- B. Người tối cổ.
- C. Người tinh khôn.
- D. Người hiện đại.

Câu 5. Hiện nay trên thế giới sử dụng một thứ lịch chung nào?

- A. Dương lịch và âm lịch.
- B. Dương lịch.
- C. Âm lịch.
- D. Công lịch.

Câu 6. Loài người là kết quả của quá trình tiến hóa từ đâu?

- A. Người tối cổ.
- B. Vượn.
- C. Vượn người.
- D. Người tinh khôn.

Câu 7. Nhiều thị tộc họ hàng, sống cạnh nhau đã tạo thành

- A. bầy người nguyên thủy.
- B. bộ lạc.
- C. nhà nước.
- D. xóm làng.

Câu 8. Trong đời sống tinh thần, Người tinh khôn đã có tục

- A. thờ thần – vua.
- B. chôn cất người chết.
- C. xây dựng nhà cửa.
- D. lập đền thờ các vị vua.

Câu 9. Các đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả địa cầu là những đường

- A. kinh tuyến.
- B. kinh tuyến gốc.
- C. vĩ tuyến.
- D. vĩ tuyến gốc.

Câu 10. Trên quả Địa Cầu có mấy điểm cực?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 11. Kí hiệu đường thể hiện điều gì?

- A. Ranh giới.
- B. Sân bay.
- C. Cảng biển.
- D. Vùng trồng lúa.

Câu 12. Một bản đồ được gọi là hoàn chỉnh, đầy đủ khi

- A. có màu sắc và kí hiệu, bảng chú giải.
- B. có bảng chú giải, màu sắc.
- C. có đầy đủ thông tin, kí hiệu, tỉ lệ, bảng chú giải.
- D. có mạng lưới kinh, vĩ tuyến, tỉ lệ, kí hiệu.

Câu 13. Khi Luân Đôn là 10 giờ, thì ở Hà Nội là

- A. 15 giờ.
- B. 17 giờ.
- C. 19 giờ.
- D. 21 giờ.

Câu 14. Trên Trái Đất, giờ khu vực phía Đông bao giờ cũng sớm hơn giờ khu vực phía Tây là do

- A. sự luân phiên ngày đêm kế tiếp nhau.
- B. Trái Đất tự quay quanh trục từ Đông sang Tây.
- C. trục Trái Đất nghiêng không đổi hướng.
- D. Trái Đất tự quay quanh trục từ Tây sang Đông.

Câu 15. Nhận định nào dưới đây không đúng về vai trò của bản đồ trong học tập Địa lí?

- A. Dựa vào bản đồ ta có thể xác định được vị trí địa lí của một điểm trên bề mặt đất.
- B. Bản đồ có thể thể hiện hình dạng, quy mô của các lục địa trên thế giới.
- C. Bản đồ có thể thể hiện sự phân bố các thành phần tự nhiên, kinh tế - xã hội (điểm dân cư, núi, sông).
- D. Bản đồ không thể hiện mối quan hệ giữa các đối tượng địa lí.

Câu 16. Tỉ lệ bản đồ 1 : 6.000.000 có nghĩa là:

- A. 1 cm trên bản đồ bằng 60 km trên thực địa.
- B. 1 cm trên bản đồ bằng 6.000 m trên thực địa.
- C. 1 cm trên bản đồ bằng 600 m trên thực địa.
- D. 1 cm trên bản đồ bằng 6 km trên thực địa.

Câu 17. Một điểm C nằm trên kinh tuyến 120° thuộc nửa cầu Đông và vĩ tuyến 10° ở phía trên đường xích đạo, cách viết toạ độ của điểm đó là:

- A. 10°B và 120°Đ.
- B. 10°N và 120°Đ.
- C. 120°Đ và 10°N.
- D. 120°B và 10°Đ.

Câu 18. Trong các tỉ lệ bản đồ sau đây, tờ bản đồ nào có mức độ chi tiết cao nhất?

- A. 1: 7.500.
- B. 1: 15.000.
- C. 1: 200.000.
- D. 1: 1.000.000.

Câu 19. Khoảng cách từ Huế đến Đà Nẵng là 105km, trên bản đồ Việt Nam, khoảng cách giữa hai thành phố đo được 15cm, vậy bản đồ có tỉ lệ:

- A. 1:600.000
- B. 1:700.000
- C. 1:500.000
- D. 1:400.000

Câu 20. Tại sao bề mặt Trái Đất luôn có một nửa được Mặt Trời chiếu sáng là ngày và một nửa không được chiếu sáng là đêm?

- A. Trái Đất có hình cầu và tự quay quanh trục.
- B. Trục Trái Đất nghiêng.
- C. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.
- D. Trái Đất là một mặt phẳng.

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2.

Trong mỗi ý a, b, c, d, ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Công lịch lấy năm nào làm mốc bắt đầu?

- a. Năm sinh của Đức Phật.
- b. Năm ra đời của Chúa Giê-su.
- c. Năm 1 Công nguyên.
- d. Năm 1 trước Công nguyên.

Câu 2. Kí hiệu bản đồ là

- a. phương pháp để vẽ bản đồ địa lí.
- b. kích thước của một bản đồ được thu nhỏ so với thực tế.
- c. dấu hiệu được quy ước dùng để biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.
- d. hình vẽ trên bản đồ để thay thế cho các đối tượng địa lí.

Phần III: Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1 : 7 000 000, biết khoảng cách từ điểm A đến điểm B là 4 cm. Vậy trên thực tế từ điểm A đến điểm B là bao nhiêu ki-lô-mét?

Câu 2 (1 điểm): Em hãy vẽ một vòng tròn tượng trưng cho Trái Đất và xác định đúng các vị trí sau trên vòng tròn đã vẽ: điểm cực Bắc, điểm cực Nam, đường xích đạo, kinh tuyến gốc, nửa cầu Bắc, nửa cầu Nam, nửa cầu Đông, nửa cầu Tây.

Câu 3 (1 điểm): Lao động có vai trò như thế nào trong việc làm thay đổi con người và cuộc sống của người nguyên thủy?

-----Hết-----

UBND XÃ BÁT TRÀNG
TRƯỜNG THCS BÁT TRÀNG
(Đề có 3 trang gồm 20 câu trắc
nghiệm, 3 câu tự luận)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6
Tiết: 8,15 (Theo KHDH)
Thời gian làm bài: 90 phút

ĐỀ 2

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (5 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án đúng.

Câu 1. Tư liệu chữ viết là

- A. những hình khắc trên bia đá, khắc bằng chữ viết.
- B. những bản ghi, sách được in, khắc bằng chữ viết, vở chép tay.
- C. những hình vẽ trên vách đá, sách được in, vở chép tay.
- D. những truyện cổ tích, những hình vẽ trên vách đá.

Câu 2. Lịch sử là gì?

- A. Những gì đã diễn ra trong quá khứ.
- B. Sự hiểu biết về những gì đã diễn ra.
- C. Ghi lại những gì đã diễn ra theo trật tự thời gian.
- D. Sự bái vọng đối với tổ tiên.

Câu 3. Hiện nay trên thế giới sử dụng một thứ lịch chung nào?

- A. Dương lịch và âm lịch.
- B. Dương lịch.
- C. Âm lịch.
- D. Công lịch.

Câu 4. Một thiên niên kỉ có bao nhiêu năm?

- A. 100.
- B. 1000.
- C. 10.
- D. 1000 000.

Câu 5. Trong đời sống tinh thần, Người tinh khôn đã có tục

- A. thờ thần – vua.
- B. chôn cất người chết.
- C. xây dựng nhà cửa.
- D. lập đền thờ các vị vua.

Câu 6. Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào?

- A. Bầy người nguyên thủy, công xã thị tộc, bộ lạc.
- B. Bầy người nguyên thủy, Người tinh khôn.
- C. Bầy người nguyên thủy, Người tối cổ.
- D. Bầy người nguyên thủy, công xã thị tộc.

Câu 7. Bầy người nguyên thủy là hình thức tổ chức xã hội của

- A. vượn người.
- B. Người tối cổ.
- C. Người tinh khôn.
- D. Người hiện đại.

Câu 8. Nhiều thị tộc họ hàng, sống cạnh nhau đã tạo thành

- A. bầy người nguyên thủy.
- B. bộ lạc.
- C. nhà nước.
- D. xóm làng.

Câu 9. Những vòng tròn trên quả địa cầu vuông góc với các kinh tuyến là những đường

- A. kinh tuyến.
- B. kinh tuyến gốc.
- C. vĩ tuyến.
- D. vĩ tuyến gốc.

Câu 10. Theo quy ước đầu phía dưới của kinh tuyến gốc chỉ hướng nào?

A. Tây. B. Đông. C. Bắc. D. Nam.

Câu 11. Các đối tượng địa lí được thể hiện trên bản đồ bằng cách

- A. sử dụng hình ảnh thật của chúng. B. sử dụng hình vẽ của chúng.
C. sử dụng hệ thống các kí hiệu. D. viết tên của chúng trên bản đồ.

Câu 12. Vị trí của một điểm trên bản đồ (hoặc trên quả địa cầu) được xác định là chỗ cắt nhau của:

- A. đường kinh tuyến và vĩ tuyến bất kì.
B. đường kinh tuyến gốc và vĩ tuyến gốc.
C. đường kinh tuyến và vĩ tuyến gốc.
D. đường kinh tuyến và vĩ tuyến đi qua điểm đó.

Câu 13. Muốn xác định phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào:

- A. mép bên trái tờ bản đồ. B. mũi tên chỉ hướng Đông Bắc.
C. các đường kinh, vĩ tuyến. D. mũi tên chỉ hướng Tây Bắc.

Câu 14. Khi đọc hiểu nội dung bản đồ thì bước đầu tiên là gì?

- A. Xem tỉ lệ. B. Đọc độ cao trên đường đồng mức.
C. Tìm phương hướng. D. Đọc bảng chú giải.

Câu 15. Khi biểu hiện các vùng trồng trọt và chăn nuôi thường dùng loại ký hiệu nào?

- A. Tượng hình. B. Hình học. C. Diện tích. D. Điểm.

Câu 16. Khi Luân Đôn là 10 giờ, thì ở Hà Nội là

- A. 15 giờ. B. 17 giờ.
C. 19 giờ. D. 21 giờ.

Câu 17. Tại sao bề mặt Trái Đất luôn có một nửa được Mặt Trời chiếu sáng là ngày và một nửa không được chiếu sáng là đêm?

- A. Trái Đất tự quay quanh trục.
B. Trục Trái Đất nghiêng.
C. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.
D. Trái Đất có dạng hình khối cầu.

Câu 18. Trái Đất hướng cả hai nửa cầu Bắc và Nam về phía Mặt Trời như nhau vào các ngày nào?

- A. 21 - 3 và 22 - 6.
B. 22 - 6 và 22 - 12.
C. 21 - 3 và 23 - 9.
D. 23 - 9 và 22 - 12.

Câu 19. Trên Trái Đất, giờ khu vực phía Đông bao giờ cũng sớm hơn giờ khu vực phía Tây là do

- A. sự luân phiên ngày đêm kế tiếp nhau.
B. Trái Đất tự quay từ Đông sang Tây.
C. trục Trái Đất nghiêng không đổi hướng.
D. Trái Đất quay từ Tây sang Đông.

Câu 20. Một điểm C nằm trên kinh tuyến 120° thuộc nửa cầu Đông và vĩ tuyến 10° ở phía trên đường xích đạo, cách viết tọa độ của điểm đó là:

- A. 10°B và 120°Đ .
B. 10°N và 120°Đ .
C. 120°Đ và 10°N .

D. 120°B và 10°Đ .

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2.

Trong mỗi ý a, b, c, d, ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Trong các phát biểu sau, đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai khi nói về Công lịch?

- a. Dựa vào chu kỳ chuyển động của Mặt Trăng.
- b. Dựa vào chu kỳ chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.
- c. Lấy năm ra đời của Chúa Giê-su làm năm đầu tiên của Công nguyên.
- d. Tính theo chu kỳ quay của Trái Đất quanh mặt Trăng.

Câu 2. Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất là

- a. sự thay đổi của các mùa.
- b. sự lệch hướng của các vật thể chuyển động.
- c. sự hình thành các đới khí hậu.
- d. các hiện tượng ngày và đêm luân phiên nhau.

Phần III. Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1 : 6 000 000, biết khoảng cách từ điểm A đến điểm B là 4 cm. Vậy trên thực tế từ điểm A đến điểm B là bao nhiêu ki-lô-mét?

Câu 2 (1 điểm): Em hãy vẽ một vòng tròn tượng trưng cho Trái Đất và xác định đúng các vị trí sau trên vòng tròn đã vẽ: điểm cực Bắc, điểm cực Nam, đường xích đạo, kinh tuyến gốc, nửa cầu Bắc, nửa cầu Nam, nửa cầu Đông, nửa cầu Tây.

Câu 3 (1 điểm): Em hiểu như thế nào là tư liệu hiện vật, tư liệu gốc? Nêu ví dụ cụ thể.

-----Hết-----

ĐỀ 1.

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (5 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	6	C	11	A	16	A
2	D	7	B	12	C	17	A
3	D	8	B	13	B	18	A
4	B	9	A	14	D	19	B
5	D	10	B	15	D	20	A

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai (2 điểm).

Điểm tối đa của mỗi câu hỏi là 1 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1đ
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25đ
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5đ
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0đ

Ý	a	b	c	d
Câu 1	Sai	Đúng	Đúng	Sai
Câu 2	Sai	Sai	Đúng	Sai

Phần III. Tự luận (3 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	- Tỷ lệ 1 : 7 000 000 có nghĩa là 1 cm trên bản đồ bằng 7 000 000 cm (hay 70 km) ngoài thực tế.	0.25
	- Trên thực tế từ điểm A đến điểm B là: 4 cm x 7 000 000 = 28.000.000 cm.	0.25
	Vậy khoảng cách thực tế là: 28.000.000 : 100.000 km = 280 km.	0.5
Câu 2 (1 điểm)	- Vẽ vòng tròn đẹp, cân đối (về đường kính so với giấy KT)	0.5
	Học sinh điền đúng:	0.25
	- Điểm cực Bắc, điểm cực Nam, Xích đạo, kinh tuyến gốc	0.25
	- Nửa cầu Bắc, nửa cầu Nam, Nửa cầu Đông, nửa cầu Tây	0.25

Câu 3 (1 điểm)	*Vai trò.	0.5
	- Nhờ lao động và cải tiến công cụ lao động, đôi bàn tay của người nguyên thủy dần trở nên khéo léo hơn, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động. Con người đã từng bước tự cải biến và hoàn thiện mình. - Con người luôn tìm cách cải tiến công cụ lao động để tăng năng suất, kiếm được nhiều thức ăn hơn => nhu cầu cải tiến công cụ đã góp phần quan trọng kích thích sự phát triển của tư duy sáng tạo ở con người...	

ĐỀ 2.

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (5 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	6	D	11	C	16	B
2	A	7	B	12	D	17	A
3	D	8	B	13	C	18	C
4	B	9	C	14	D	19	D
5	B	10	D	15	C	20	A

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai (2 điểm).

Điểm tối đa của mỗi câu hỏi là 1điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1đ
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25đ
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5đ
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0đ

Ý	a	b	c	d
Câu 1	Sai	Đúng	Đúng	Sai
Câu 2	Sai	Đúng	Sai	Đúng

Phần III. Tự luận (3 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	- Tỷ lệ 1 : 6 000 000 có nghĩa là 1 cm trên bản đồ bằng 6 000 000 cm (hay 60 km) ngoài thực tế.	0.25
	- Trên thực tế từ điểm A đến điểm B là: 4 cm x 6 000 000 = 24.000.000 cm.	0.25
	Vậy khoảng cách thực tế là: 24.000.000 : 100.000 km = 240 km.	0.5

Câu 2 (1 điểm)	- Vẽ vòng tròn đẹp, cân đối (về đường kính so với giấy KT) Học sinh điền đúng: - Điểm cực Bắc, điểm cực Nam, Xích đạo, kinh tuyến gốc - Nửa cầu Bắc, nửa cầu Nam, Nửa cầu Đông, nửa cầu Tây	0.5 0.25 0.25
Câu 3 (1 điểm)	- Tư liệu hiện vật là những di tích, đồ vật của người xưa còn lưu giữ lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất. Nếu biết cách khai thác, chúng có thể cung cấp thông tin cụ thể và trung thực về đời sống vật chất và tinh thần của người xưa. Ví dụ. Trống đồng Ngọc Lũ, Thạp đồng Đào Thịnh, Thánh địa Mỹ Sơn, Kinh đô Huế... - Tư liệu gốc là tư liệu cung cấp những thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kì lịch sử nào đó. Đây là nguồn tư liệu đáng tin cậy nhất khi tìm hiểu lịch sử. Ví dụ: Một bức thư tay viết bởi nhà văn nổi tiếng, một hình ảnh chụp sự kiện lịch sử, một bài báo cáo trực tiếp từ hiện trường...	0.25 0.25 0,25 0,25

BGH

TT

GV

Đỗ Thị Nhất

Vũ Thị Quỳnh Trang

Hoàng Thị Chiên